

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**QUYẾT ĐỊNH của Thống đốc Ngân
hàng Nhà nước số 1216/2003/
QĐ-NHNN ngày 09/10/2003 về
việc ban hành Quy chế hoạt
động của bàn đổi ngoại tệ.**

**THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC**

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 ngày 12/12/1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 10/2003/QH11 ngày 17/6/2003;

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 63/1998/NĐ-CP ngày 17/8/1998 của Chính phủ về quản lý ngoại hối và Nghị định số 05/2001/NĐ-CP ngày 17/01/2001 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/1998/NĐ-CP ngày 17/8/1998 của Chính phủ về quản lý ngoại hối;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của bàn đổi ngoại tệ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quyết định số 258/2000/QĐ-NHNN7 ngày 14/8/2000 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế hoạt động của bàn đổi ngoại tệ.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh (thành phố) trực thuộc Trung ương, Tổng Giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng được phép và các tổ chức làm đại lý đổi ngoại tệ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước
Phó Thống đốc

PHÙNG KHẮC KẾ

**QUY CHẾ hoạt động của bàn đổi
ngoại tệ**

(ban hành kèm theo Quyết định số 1216/2003/QĐ-NHNN ngày 09/10/2003 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước).

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này điều chỉnh hoạt động của

09639838

LawSoin * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

các bàn đổi ngoại tệ trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Hoạt động đổi đồng tiền của các nước có chung biên giới tại khu vực biên giới thực hiện theo quy định riêng về quản lý ngoại hối ở khu vực biên giới.

Điều 2. Giải thích từ ngữ: Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Ngoại tệ tiền mặt* là đồng tiền hợp pháp của một quốc gia khác hoặc đồng tiền chung của nhiều quốc gia dưới dạng tiền giấy, tiền kim loại, séc du lịch và các công cụ thanh toán tương tự khác theo pháp luật quy định đang được lưu hành hợp pháp mà Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không cấm sử dụng trong giao dịch và được tổ chức tín dụng chấp nhận trong hoạt động đổi ngoại tệ.

2. *Đổi ngoại tệ* là nghiệp vụ dùng đồng Việt Nam mua ngoại tệ tiền mặt hoặc bán ngoại tệ tiền mặt lấy đồng Việt Nam với khách hàng là cá nhân.

3. *Bàn đổi ngoại tệ* là tổ chức được Ngân hàng Nhà nước cho phép thực hiện các hoạt động thu đổi ngoại tệ tiền mặt, bao gồm:

a) *Bàn trực tiếp*: Bàn đổi ngoại tệ của các Tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối trực tiếp làm dịch vụ đổi ngoại tệ;

Bàn trực tiếp được đặt tại Hội sở chính, trụ sở chi nhánh của tổ chức tín dụng và các địa điểm khác đã đăng ký với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh (thành phố).

b) *Bàn đại lý*: Bàn đổi ngoại tệ của các tổ chức khác làm đại lý đổi ngoại tệ cho tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối và được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh (thành phố) trên địa bàn cấp giấy phép làm đại lý đổi ngoại tệ.

Bàn đại lý chỉ được đặt tại các địa điểm ghi trong giấy phép do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh (thành phố) cấp.

Điều 3. Hoạt động của bàn đổi ngoại tệ

1. Các bàn đổi ngoại tệ chỉ được mua ngoại tệ tiền mặt của cá nhân, không được bán ngoại tệ tiền mặt cho cá nhân (trừ các Bàn trực tiếp, các Bàn đại lý được quy định tại khoản 2 Điều này). Các bàn đại lý phải bán toàn bộ số ngoại tệ tiền mặt đổi được cho tổ chức tín dụng ủy nhiệm theo quy định tại Điều 12 Quy chế này.

2. Các Bàn trực tiếp của tổ chức tín dụng được phép và các Bàn đại lý đặt tại các khu cách ly ở các cửa khẩu quốc tế (đường bộ, đường thủy, đường không) được bán lại ngoại tệ tiền mặt cho cá nhân mang hộ chiếu do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp (dưới đây gọi chung là cá nhân mang hộ chiếu nước ngoài) theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.

3. Các bàn đổi ngoại tệ phải có bảng hiệu ghi rõ tên (số) của bàn đổi ngoại tệ, tên của tổ chức tín dụng hoặc tên của tổ chức tín dụng ủy nhiệm làm đại lý bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

*Chương II***NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 4. Phạm vi đặt bàn đổi ngoại tệ của tổ chức tín dụng

Tổ chức tín dụng được phép được đặt bàn đổi ngoại tệ tại Hội sở chính, trụ sở Chi nhánh hoặc ngoài Hội sở chính, trụ sở Chi nhánh. Trường hợp Tổ chức tín dụng có nhu cầu đặt bàn đổi ngoại tệ ngoài Hội sở chính, trụ sở Chi nhánh thì phải đăng ký với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh (thành phố) trên địa bàn nơi đặt bàn đổi ngoại tệ. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh (thành phố) xem xét hồ sơ và phạm vi hoạt động của Tổ chức tín dụng theo giấy phép để xác nhận việc đăng ký hay từ chối xác nhận việc đăng ký Bàn đổi ngoại tệ.

Điều 5. Đăng ký bàn đổi ngoại tệ của tổ chức tín dụng

1. Các tổ chức tín dụng chỉ được phép khai trương hoạt động của các Bàn đổi ngoại tệ ngoài Hội sở chính, trụ sở chi nhánh sau khi có văn bản xác nhận việc đăng ký Bàn đổi ngoại tệ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh (thành phố) nơi đặt Bàn đổi ngoại tệ. Hồ sơ đăng ký gồm:

a) Đơn xin đăng ký đặt Bàn đổi ngoại tệ (Phụ lục 1);

b) Bản sao Quyết định của Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng hoặc người được ủy quyền về việc thành lập Bàn đổi ngoại tệ;

2. Trong thời hạn 5 (năm) ngày làm

việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh (thành phố) phải xác nhận bằng văn bản việc đăng ký Bàn đổi ngoại tệ của tổ chức tín dụng (Phụ lục 2). Trường hợp từ chối xác nhận, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh (thành phố) phải có văn bản giải thích rõ lý do.

Điều 6. Ủy nhiệm làm đại lý đổi ngoại tệ:

1. Đối tượng được tổ chức tín dụng ủy nhiệm làm đại lý đổi ngoại tệ:

a) Các tổ chức là doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực du lịch, dịch vụ vui chơi giải trí, khách sạn, nhà hàng, siêu thị, giao thông vận tải, vàng bạc, đá quý và các tổ chức thường xuyên có hoạt động cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho người nước ngoài;

b) Văn phòng bán vé của các hãng hàng không, hàng hải, du lịch (của nước ngoài);

c) Các tổ chức tín dụng chưa được phép hoạt động ngoại hối.

2. Các tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối căn cứ vào nhu cầu mở rộng mạng lưới đổi ngoại tệ, uy tín và khả năng đổi ngoại tệ tiền mặt của các tổ chức thuộc đối tượng nêu trên để ký hợp đồng đại lý đổi ngoại tệ.

Các tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối trước khi ký kết các hợp

đồng đại lý đối ngoại tệ phải kiểm tra cơ sở vật chất và hướng dẫn nghiệp vụ cho nhân viên của Bàn đại lý, đồng thời phải căn cứ vào các quy định tại Quy chế này để ký hợp đồng đại lý đối ngoại tệ. Hợp đồng phải có những nội dung cơ bản sau:

- a) Tên, địa chỉ của các Bàn đại lý;
- b) Số lượng Bàn đại lý và địa điểm đặt Bàn đại lý;
- c) Chức năng: Bàn đại lý phải bán toàn bộ số ngoại tệ tiền mặt đổi được (ngoài số ngoại tệ tồn quỹ được để lại) cho tổ chức tín dụng và chỉ thực hiện mua ngoại tệ tiền mặt của cá nhân (trừ các Bàn đại lý nêu tại khoản 2 Điều 3 được bán ngoại tệ theo quy định tại Điều 8 Quy chế này);
- d) Tỷ giá: Tỷ giá mua ngoại tệ tiền mặt, tỷ giá bán ngoại tệ cho khách hàng (đối với Bàn đổi ngoại tệ được bán lại ngoại tệ nêu tại khoản 2 Điều 3 Quy chế này) và tỷ giá bán lại ngoại tệ tiền mặt cho tổ chức tín dụng;
- đ) Quyền lợi và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng, trong đó nêu rõ các Bàn đại lý phải thực hiện ghi chép và lưu trữ sổ sách chứng từ theo đúng quy định, quy định định kỳ tổ chức tín dụng phải kiểm tra hoạt động của các Bàn đại lý để đảm bảo thực hiện đúng hợp đồng và quy định của pháp luật;
- e) Mức tồn quỹ ngoại tệ;
- g) Thời hạn Bàn đại lý phải bán số ngoại tệ tiền mặt đổi được cho tổ chức tín dụng ủy nhiệm theo quy định tại Điều 12 Quy chế này.

Điều 7. Điều kiện, thủ tục cấp giấy phép, đăng ký bổ sung bàn đại lý đối ngoại tệ

1. Điều kiện cấp giấy phép, đăng ký bổ sung làm đại lý đối ngoại tệ

Các đối tượng nêu tại khoản 1 Điều 6 của Quy chế này có đủ các điều kiện sau đây thì được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh (thành phố) trên địa bàn cấp giấy phép, đăng ký bổ sung làm đại lý đối ngoại tệ:

- a) Có địa điểm để đặt bàn đại lý ở nơi trung tâm kinh tế, văn hóa, giao thông hoặc ở nơi có nhu cầu đổi ngoại tệ tiền mặt;
- b) Có đủ trang thiết bị và điều kiện vật chất để đáp ứng được các hoạt động đổi ngoại tệ tiền mặt;
- c) Có nhân viên am hiểu nghiệp vụ để làm dịch vụ đổi ngoại tệ như: nghiệp vụ kế toán, ngân quỹ, phân biệt tiền thật, giả;
- d) Có hợp đồng đại lý đối ngoại tệ ký với tổ chức tín dụng.

2. Thủ tục cấp phép

a) Các tổ chức xin cấp phép lần đầu làm đại lý đối ngoại tệ trên địa bàn tỉnh, thành phố nơi tổ chức đặt trụ sở chính phải gửi hồ sơ cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh (thành phố) trên địa bàn. Hồ sơ gồm:

- Đơn xin phép làm đại lý đối ngoại tệ (Phụ lục 3);
- Bản sao có công chứng Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Quyết định thành lập (nếu tổ chức thuộc đối tượng hoạt động theo Quyết định thành lập);
- Hợp đồng đại lý đối ngoại tệ ký với tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối.

b) Trường hợp tổ chức xin cấp phép làm đại lý đối ngoại tệ lần đầu nhưng đặt bàn đối ngoại tệ khác địa bàn tỉnh, thành phố nơi tổ chức đặt trụ sở chính, ngoài các giấy tờ nêu tại điểm (a), tổ chức phải gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh (thành phố) nơi tổ chức đặt trụ sở chính bản sao có công chứng Giấy chứng nhận hoạt động của chi nhánh và ý kiến bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh (thành phố) trên địa bàn nơi tổ chức có nhu cầu đặt bàn đối ngoại tệ.

c) Trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, căn cứ các điều kiện nêu tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh (thành phố) nơi tổ chức đặt trụ sở chính xem xét cấp Giấy phép làm đại lý đối ngoại tệ và chứng nhận đăng ký bàn đại lý đối ngoại tệ của tổ chức (Phụ lục 4).

Trường hợp cấp phép cho tổ chức đặt bàn đối ngoại tệ khác địa bàn tỉnh (thành phố) nơi tổ chức đặt trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh (thành phố) nơi cấp phép gửi một bản sao cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh (thành phố) nơi tổ chức đặt bàn đại lý đối ngoại tệ để theo dõi, quản lý. Trường hợp từ chối cấp giấy phép, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh (thành phố) phải có văn bản giải thích lý do.

3. Thủ tục đăng ký bổ sung bàn đại lý đối ngoại tệ

Sau khi đã được cấp phép và hoạt động, trường hợp tổ chức có nhu cầu đặt bổ sung bàn đại lý đối ngoại tệ, tổ chức phải gửi hồ sơ đăng ký cho Ngân hàng

Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh (thành phố) tại địa bàn nơi tổ chức có nhu cầu đặt bổ sung bàn đối ngoại tệ. Hồ sơ gồm:

- Đơn đăng ký bổ sung bàn đại lý đối ngoại tệ (Phụ lục 5);

- Hợp đồng đại lý đối ngoại tệ ký với tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối;

- Bản gốc Giấy phép làm đại lý đối ngoại tệ đã cấp;

- Bản sao công chứng Giấy chứng nhận hoạt động của chi nhánh (đối với trường hợp đặt bàn đối ngoại tệ ở chi nhánh của tổ chức).

Trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh (thành phố) trên địa bàn nơi tổ chức có nhu cầu đặt bổ sung bàn đối ngoại tệ xem xét và chứng nhận đăng ký bổ sung bàn đại lý đối ngoại tệ cho tổ chức (ghi vào phần Chứng nhận đăng ký bàn đại lý đối ngoại tệ - Phụ lục 4), đồng thời gửi một bản sao cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Chi nhánh tỉnh (thành phố) nơi tổ chức đặt trụ sở chính để theo dõi, quản lý (đối với những trường hợp đặt bàn đối ngoại tệ ngoài địa bàn tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở chính). Trường hợp từ chối chứng nhận đăng ký bàn đối ngoại tệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh (thành phố) phải có văn bản giải thích lý do.

Điều 8. Mua lại ngoại tệ khi xuất cảnh về nước

Cá nhân mang hộ chiếu nước ngoài trong thời gian ở Việt Nam có đối ngoại

tệ tại các Bàn đổi ngoại tệ lấy đồng Việt Nam nhưng chi tiêu không hết, khi xuất cảnh ra khỏi Việt Nam thì được mua lại ngoại tệ ở bàn đổi ngoại tệ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy chế này. Các Bàn đổi ngoại tệ được bán ngoại tệ tiền mặt cho cá nhân theo các quy định sau đây:

1. Cá nhân có nhu cầu mua dưới 500 USD (năm trăm Đôla Mỹ) hoặc các ngoại tệ khác có giá trị tương đương phải xuất trình hộ chiếu.

2. Cá nhân có nhu cầu mua từ 500 USD (năm trăm Đôla Mỹ) trở lên hoặc các ngoại tệ khác có giá trị tương đương phải xuất trình hộ chiếu và hóa đơn đã đổi ngoại tệ lấy đồng Việt Nam.

Các bàn đổi ngoại tệ chỉ bán lại ngoại tệ cho cá nhân có tên ghi trên hóa đơn đổi ngoại tệ. Mức ngoại tệ cá nhân được mua lại tối đa không quá số ngoại tệ đã đổi ghi trên hóa đơn.

Hóa đơn đổi ngoại tệ phải rõ ràng, không tẩy xóa, ngày ghi trên hóa đơn phải nằm trong khoảng thời gian từ ngày nhập cảnh vào Việt Nam lần gần nhất ghi trên hộ chiếu đến ngày xin mua lại ngoại tệ. Thời hạn hiệu lực của hóa đơn đổi ngoại tệ là 3 tháng kể từ ngày đổi ngoại tệ.

Khi bán lại ngoại tệ cho cá nhân, Bàn đổi ngoại tệ phải thu hồi hóa đơn đã đổi ngoại tệ trước đây.

Điều 9. Niêm yết loại ngoại tệ và tỷ giá

Bàn đổi ngoại tệ phải niêm yết công khai các loại ngoại tệ và tỷ giá áp dụng trong giao dịch tại bàn đổi ngoại tệ.

Điều 10. Tỷ giá áp dụng

1. Tỷ giá mua, bán ngoại tệ tại Bàn trực tiếp thực hiện theo hướng dẫn của Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối.

2. Tỷ giá mua ngoại tệ, tỷ giá bán ngoại tệ (đối với Bàn đại lý được bán lại ngoại tệ) của Bàn đại lý với cá nhân thực hiện theo thỏa thuận trong hợp đồng đại lý giữa tổ chức tín dụng và Bàn đại lý, phù hợp với các quy định hiện hành về quản lý ngoại hối.

Điều 11. Chứng từ đổi ngoại tệ của bàn đổi ngoại tệ

Khi đổi ngoại tệ cho cá nhân, nhân viên bàn đổi ngoại tệ phải ghi đầy đủ những nội dung quy định trong hóa đơn và cập nhật số liệu vào sổ kế toán của Bàn đổi ngoại tệ theo hướng dẫn của tổ chức tín dụng, phù hợp với chế độ kế toán hiện hành và phải giao một liên hóa đơn cho cá nhân. Bàn đại lý cho tổ chức tín dụng nào thì sử dụng hóa đơn do tổ chức tín dụng đó cấp (mẫu hóa đơn tại Phụ lục 6) và hóa đơn đổi ngoại tệ của các tổ chức tín dụng được sử dụng chung để bán lại ngoại tệ theo quy định.

Điều 12. Thời gian nộp hoặc bán ngoại tệ, mức tồn quỹ ngoại tệ

1. Đối với Bàn trực tiếp: thời gian nộp ngoại tệ tiền mặt, mức tồn quỹ ngoại tệ tiền mặt do Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng quy định.

2. Đối với Bàn đại lý:

a) Thời gian bán ngoại tệ cho tổ chức tín dụng

Bàn đại lý phải bán toàn bộ số ngoại tệ đổi được cho tổ chức tín dụng ủy nhiệm

vào cuối mỗi ngày. Trong trường hợp bàn đại lý cách xa tổ chức tín dụng ủy nhiệm thì tổ chức tín dụng thỏa thuận với bàn đại lý thời hạn bán số ngoại tệ tiền mặt đổi được cho tổ chức tín dụng nhưng tối đa không quá 5 (năm) ngày làm việc.

Trong trường hợp đặc biệt khó khăn không đáp ứng được thời hạn bán ngoại tệ theo quy định trên, tổ chức tín dụng ủy nhiệm và tổ chức làm đại lý đổi ngoại tệ có công văn đề nghị được kéo dài thời hạn bán ngoại tệ và giải trình lý do gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh (thành phố) trên địa bàn nơi đặt bàn đổi ngoại tệ để xem xét, giải quyết.

Trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh (thành phố) căn cứ công văn của tổ chức tín dụng ủy nhiệm và tổ chức làm đại lý đổi ngoại tệ, căn cứ tình hình thực tế trên địa bàn xác nhận bằng văn bản về việc cho phép kéo dài thời hạn bán ngoại tệ. Trường hợp từ chối việc kéo dài thời hạn bán ngoại tệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh (thành phố) phải có văn bản giải thích rõ lý do.

b) Mức tồn quỹ ngoại tệ

Bàn đại lý đổi ngoại tệ được giữ lại một số lượng ngoại tệ tồn quỹ để trả lại cho khách hàng theo thỏa thuận giữa tổ chức tín dụng với bàn đại lý nhưng tối đa không quá 1.000 USD (một nghìn đô la Mỹ) hoặc các loại ngoại tệ có giá trị tương đương.

Trường hợp tổ chức có nhu cầu tăng mức tồn quỹ ngoại tệ trên 1.000 USD, tổ chức tín dụng ủy nhiệm và tổ chức làm

đại lý đổi ngoại tệ phải có công văn đề nghị tăng mức tồn quỹ ngoại tệ và giải trình lý do gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh (thành phố) trên địa bàn nơi đặt bàn đổi ngoại tệ để xem xét, giải quyết.

Trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh (thành phố) căn cứ tình hình thực tế trên địa bàn sẽ xác nhận bằng văn bản về việc cho phép tăng mức tồn quỹ ngoại tệ hay không. Trường hợp từ chối việc tăng mức tồn quỹ ngoại tệ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh Ngân hàng nhà nước tỉnh (thành phố) phải có văn bản giải thích rõ lý do.

Điều 13. Xử lý khi phát hiện tiền giả

Khi phát hiện cá nhân sử dụng tiền giả để đổi ngoại tệ, Bàn đổi ngoại tệ phải lập biên bản, tạm giữ số tiền giả theo quy định hiện hành và thông báo ngay cho cơ quan công an gần nhất để tiến hành điều tra, xử lý.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Đối với các giấy phép đã được cấp trước ngày có hiệu lực của Quy chế này

Các giấy phép hoạt động đổi ngoại tệ được cấp theo Quyết định số 258/2000/QĐ-NHNN7 ngày 14/8/2000 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế hoạt động của Bàn đổi ngoại tệ tiếp tục có hiệu lực.

Tổ chức đã được cấp giấy phép hoạt động đối ngoại tệ theo Quyết định số 258/2000/QĐ-NHNN7 khi có nhu cầu đổi giấy phép theo giấy phép mới thì trình tự thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy chế này.

Điều 15. Kiểm tra và xử lý vi phạm

1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh (thành phố) có trách nhiệm kiểm tra, giám sát hoạt động đối ngoại tệ của các bàn đổi ngoại tệ trên địa bàn theo các quy định của Quy chế này.

Tổ chức tín dụng có trách nhiệm hướng dẫn nghiệp vụ và kiểm tra hoạt động của các bàn đại lý do mình ủy nhiệm trong việc chấp hành các quy định trong Quy chế này.

2. Trong trường hợp Bàn đại lý vi phạm các quy định trong Quy chế này, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh (thành phố) có quyền tạm thời đình chỉ hoặc thu hồi giấy phép đã cấp và thông báo cho Tổ chức tín dụng ủy nhiệm để hủy bỏ hợp đồng đại lý đã ký. Trường hợp Tổ chức tín dụng ủy nhiệm liên đới chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm của Bàn đại lý thì tổ chức tín dụng cũng bị xử phạt hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng theo các quy định hiện hành.

Bàn trực tiếp vi phạm các quy định trong Quy chế này thì thực hiện xử phạt hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng theo các quy định hiện hành.

3. Định kỳ hoặc đột xuất, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi

nhánh tỉnh (thành phố) phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra hoạt động đối ngoại tệ trên địa bàn. Nếu phát hiện tổ chức, cá nhân hoạt động đối ngoại tệ không có giấy phép thì lập biên bản, tạm giữ tang vật để xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định trong Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm mà có thể bị xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 16. Chế độ báo cáo

1. Hàng quý, trước ngày 05 tháng đầu quý sau, các Bàn trực tiếp và Bàn đại lý phải báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh (thành phố) nơi đặt bàn đổi ngoại tệ về tình hình đổi ngoại tệ trong quý (Phụ lục 7).

2. Hàng quý, trước ngày 15 tháng đầu quý sau, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Chi nhánh tỉnh (thành phố) tổng hợp tình hình thu đổi ngoại tệ trên địa bàn trong quý và báo cáo về Ngân hàng Nhà nước - Vụ quản lý ngoại hối (Phụ lục 8).

Điều 17. Bổ sung, sửa đổi Quy chế

Việc bổ sung, sửa đổi Quy chế này do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định./.

KT. Thống đốc ngân hàng
Nhà nước
Phó Thống đốc

PHÙNG KHẮC KẾ

Phụ lục 1

**TÊN TỔ CHỨC
TÍN DỤNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN XIN ĐĂNG KÝ ĐẶT BÀN ĐỔI NGOẠI TỆ

**Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Chi nhánh Tỉnh (Thành phố).....**

Tên tổ chức tín dụng (hoặc chi nhánh tổ chức tín dụng):.....

Trụ sở tại:

Số điện thoại: Số Fax:

Quyết định thành lập số:

Cấp ngày

Chúng tôi xin đăng ký với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh (thành phố) số Bàn đổi ngoại tệ của tổ chức tín dụng (hoặc chi nhánh của tổ chức tín dụng) như sau:

TÊN BÀN ĐỔI NGOẠI TỆ	ĐỊA CHỈ	ĐIỆN THOẠI
1/.....		
2/.....		
3/.....		
.....		

Chúng tôi cam kết thực hiện đúng các quy định về quản lý ngoại hối hiện hành của Nhà nước.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên và đóng dấu)

09639838

Phụ lục 2

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
CHI NHÁNH TỈNH, THÀNH PHỐ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:, ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ
BÀN ĐỔI NGOẠI TỆ**

**GIÁM ĐỐC
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
CHI NHÁNH TỈNH, THÀNH PHỐ...**

- Căn cứ Quy chế hoạt động của bàn đổi ngoại tệ ban hành kèm theo Quyết định số...../2003/QĐ-NHNN ngày..... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;
- Xét hồ sơ xin đăng ký hoạt động đổi ngoại tệ của (tên tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh tổ chức tín dụng),

XÁC NHẬN

1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Chi nhánh tỉnh (thành phố)..... xác nhận (tên tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh tổ chức tín dụng)..... đã đăng ký các bàn đổi ngoại tệ sau đây:

TÊN BÀN ĐỔI NGOẠI TỆ	ĐỊA CHỈ	ĐIỆN THOẠI
1/.....		
2/.....		
3/.....		
.....		

2. Trong quá trình hoạt động, bàn đổi ngoại tệ phải tuân thủ pháp luật của Nhà nước Việt Nam, các quy định hiện hành về quản lý ngoại hối.

Nơi nhận

- Tổ chức tín dụng;
- Vụ Quản lý Ngoại hối;
- Lưu.

Giám đốc

(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục 3

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số...../CV

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN XIN PHÉP LÀM ĐẠI LÝ
ĐỐI NGOẠI TỆ**

**Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Chi nhánh Tỉnh (Thành phố).....**

Tên tổ chức:.....

Trụ sở chính tại:.....

Số điện thoại: Số Fax:.....

Quyết định thành lập số:.....

Cơ quan cấp:..... ngày

Vốn điều lệ:.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:

Cơ quan cấp:..... ngày

Lĩnh vực kinh doanh:.....

Tài khoản tiền gửi đồng Việt Nam số:

Tại Ngân hàng:.....

Tài khoản tiền gửi Ngoại tệ số:

Tại Ngân hàng:.....

Đề nghị cơ quan xem xét, cấp giấy phép cho đơn vị làm đại lý đối ngoại tệ theo hợp đồng đại lý đối ngoại tệ đã ký với..... (tổ chức tín dụng)..... số..... ngày..... tại các địa điểm sau:

1. Địa chỉ..... Điện thoại:.....

2. Địa chỉ..... Điện thoại:.....

3. Địa chỉ..... Điện thoại:.....

.....

Chúng tôi cam kết thực hiện đúng các quy định về quản lý ngoại hối hiện hành của Nhà nước.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục 4

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
CHI NHÁNH TỈNH, THÀNH PHỐ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: , ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY PHÉP LÀM ĐẠI LÝ ĐỐI NGOẠI TỆ

GIÁM ĐỐC
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
CHI NHÁNH TỈNH, THÀNH PHỐ...

- Căn cứ Quy chế hoạt động của bàn đối ngoại tệ ban hành kèm theo Quyết định số...../2003/QĐ-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

- Xét hồ sơ xin cấp giấy phép làm đại lý bàn đối ngoại tệ của (tên tổ chức xin cấp phép),

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Cho phép..... (tên tổ chức xin cấp giấy phép)

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Quyết định thành lập số:.....

Cơ quan cấp:..... ngày.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:.....

Cơ quan cấp:..... ngày.....

được làm đại lý đối ngoại tệ tại các địa điểm theo Giấy chứng nhận đăng ký bàn đại lý đối ngoại tệ kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Trong quá trình làm đại lý bàn đối ngoại tệ, tổ chức phải tuân thủ pháp luật của Nhà nước Việt Nam, pháp luật hiện hành về quản lý ngoại hối và các quy định khác có liên quan.

Điều 3:(Tên tổ chức) chỉ được thực hiện hoạt động đại lý đối ngoại tệ sau khi làm thủ tục bổ sung ngành nghề kinh doanh làm đại lý đối ngoại tệ vào Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Nơi nhận

- Tổ chức;
- TCTD ký hợp đồng đại lý;
- Vụ Quản lý Ngoại hối;
- Lưu.

Giám đốc

(Ký tên và đóng dấu)

096-99838

(Tiếp Phụ lục 4)

CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ BÀN ĐẠI LÝ ĐỐI NGOẠI TỆ

(Kèm theo Giấy phép làm đại lý đối ngoại tệ số..... ngày.....)

Tờ số.....

Tên tổ chức:

Số thứ tự	Ngày đăng ký	Địa chỉ, điện thoại	Hợp đồng đại lý số.... ngày....	Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh (thành phố) (Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

09639838

Phụ lục 5

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số...../CV

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐĂNG KÝ BỔ SUNG LÀM ĐẠI LÝ ĐỐI NGOẠI TỆ

**Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Chi nhánh Tỉnh (Thành phố).....**

Tên tổ chức:.....

Trụ sở chính tại:.....

Số điện thoại: Số Fax:

Quyết định thành lập số:

Cơ quan cấp:..... ngày

Vốn điều lệ:.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:

Cơ quan cấp:..... ngày

Lĩnh vực kinh doanh:

Tài khoản tiền gửi đồng Việt Nam số:.....

Tại Ngân hàng:.....

Tài khoản tiền gửi Ngoại tệ số:

Tại Ngân hàng:.....

Giấy phép làm đại lý đối ngoại tệ đã được cấp..... ngày.....

Đề nghị cơ quan xem xét, xác nhận đăng ký bổ sung bàn đại lý đối ngoại tệ cho đơn vị tại..... (ghi rõ địa chỉ, điện thoại, fax) theo hợp đồng đại lý đối ngoại tệ đã ký với.... (tổ chức tín dụng)..... số..... ngày.....

Chúng tôi cam kết thực hiện đúng các quy định về quản lý ngoại hối hiện hành của Nhà nước.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên và đóng dấu)

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

09639838

Phụ lục 6

TÊN VÀ BIỂU TƯỢNG CỦA TCTD ĐƯỢC PHÉP
(Tên đại lý đổi ngoại tệ)

Số hóa đơn:

Địa chỉ:

Điện thoại:

HÓA ĐƠN ĐỔI NGOẠI TỆ
MONEY RECEIPT

Họ tên:.....

Name:.....

Số hộ chiếu:.....

Passport No:.....

Số tiền đổi:.....

Amount received:.....

-

-

-

Tỷ giá:.....

Exchange Rate:.....

Số tiền trả:.....

Amount Pay:.....

(Hóa đơn này là cơ sở để người có hộ chiếu nước ngoài mua lại ngoại tệ trong thời gian 3 tháng kể từ ngày đổi ngoại tệ ra VNĐ).

Foreign passport holders can use this receipt for buying foreign currency within 3 (three) months from the day of converting foreign currency into VND.

Ngày

Date

Dấu và chữ ký của đại diện bàn đổi ngoại tệ

Phụ lục 7

TÊN TCKT/TCTD

Số bàn đổi ngoại tệ:

Địa chỉ: (nơi đặt bàn đổi ngoại tệ) , ngày..... tháng..... năm.....

ĐT:

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Chi nhánh tỉnh, thành phố.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐỔI NGOẠI TỆ
(Quý..... năm.....)

Đơn vị: Quy USD

Tồn quỹ đầu quý	Doanh số mua ngoại tệ trong quý	Doanh số bán ngoại tệ cho khách hàng	Doanh số nộp/bán ngoại tệ cho tổ chức tín dụng	Tồn quỹ cuối quý

(Tỷ giá quy đổi ra USD đối với ngoại tệ không phải là đô la Mỹ lấy vào thời điểm báo cáo)

LẬP BIỂU

KIỂM SOÁT

GIÁM ĐỐC
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục 8

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Chi nhánh tỉnh, thành phố.....

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước (Vụ quản lý ngoại hối)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐỔI NGOẠI TỆ

(Quý..... năm.....)

	Số bàn	Doanh số mua ngoại tệ (quy USD)	Doanh số bán ngoại tệ cho khách hàng (quy USD)	Doanh số nộp/bán cho tổ chức tín dụng (quy USD)
Bàn đại lý				
Bàn trực tiếp				
Tổng cộng				

LẬP BIỂU

KIỂM SOÁT

GIÁM ĐỐC

(Ký tên và đóng dấu)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Điện thoại: 8233947

In tại Xí nghiệp Bản đồ I - Bộ Quốc phòng